

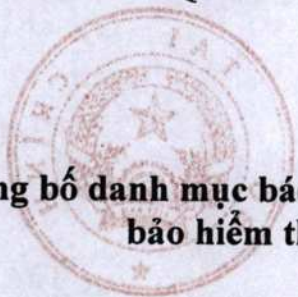


BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2790/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2026



QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục báo cáo định kỳ được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực
bảo hiểm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tài chính**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 376/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 346/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 16/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 04 chế độ báo cáo định kỳ được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ 20 tháng 10 năm 2026. Bãi bỏ nội dung công bố chế độ báo cáo STT 1 Mục A và STT 27, 28 Mục B Phần XIV Phụ lục I, chế độ báo cáo STT 27, 28 Mục A và STT 1 Mục B Phần XIV Phụ lục II kèm theo Quyết định số 2610/QĐ-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi số, Thủ trưởng các cơ

quan, đơn vị thuộc Bộ và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Tài chính (để b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các đơn vị thuộc Bộ (để th/h);
- Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QL BH (10b)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



★ Lê Tấn Cận

**DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG
LĨNH VỰC BẢO HIỂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số 2790/QĐ-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Bộ Tài chính)

PHẦN I.

DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

STT	Tên báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
(1)	(2)	(3)
I	BÁO CÁO GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC	
1	Báo cáo chi tiết về kinh phí hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp, kinh phí cho hoạt động tuyên truyền về chính sách bảo hiểm nông nghiệp	- Khoản 6 Điều 37 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp - Khoản 2 Điều 15, khoản 6 Điều 19 và Mẫu số 08 Phụ lục kèm theo Nghị định số 346/2026/NĐ-CP ngày 05/9/2026 của Chính phủ
2	Báo cáo kết quả thực hiện bảo hiểm nông nghiệp cho đối tượng bảo hiểm được hỗ trợ	- Khoản 6 Điều 37 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp - Khoản 2 Điều 15, khoản 7 Điều 19 và Mẫu số 09 Phụ lục kèm theo Nghị định số 346/2026/NĐ-CP ngày 05/9/2026 của Chính phủ
II	BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN GỬI CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	
1	Báo cáo nghiệp vụ	- Khoản 2 Điều 39 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp - Khoản 1 Điều 17, khoản 8 Điều 19 và Mẫu số 11 Phụ lục kèm theo Nghị định số 346/2026/NĐ-CP ngày 05/9/2026 của Chính phủ
2	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	- Khoản 2 Điều 39 và Mẫu số 13 Phụ lục kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp - Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 346/2026/NĐ-CP ngày 05/9/2026 của Chính phủ

PHẦN II.

CHI TIẾT NỘI DUNG CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TẠI PHẦN I. DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

1. Báo cáo chi tiết về kinh phí hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp, kinh phí cho hoạt động tuyên truyền về chính sách bảo hiểm nông nghiệp

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: Hằng năm

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 6 Điều 37 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp; Khoản 2 Điều 15, khoản 6 Điều 19 và Mẫu số 08 Phụ lục kèm theo Nghị định số 346/2026/NĐ-CP ngày 05/9/2026 của Chính phủ

2. Báo cáo kết quả thực hiện bảo hiểm nông nghiệp cho đối tượng bảo hiểm được hỗ trợ

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: Hằng năm

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 6 Điều 37 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp; Khoản 2 Điều 15, khoản 7 Điều 19 và Mẫu số 09 Phụ lục kèm theo Nghị định số 346/2026/NĐ-CP ngày 05/9/2026 của Chính phủ

3. Báo cáo nghiệp vụ

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: Hằng quý; Hằng năm

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 2 Điều 39 Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp; Khoản 1 Điều 17, khoản 8 Điều 19 và Mẫu số 11 Phụ lục kèm theo Nghị định số 346/2026/NĐ-CP ngày 05/9/2026 của Chính phủ

4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Đối tượng thực hiện báo cáo: Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp

1.2. Cơ quan nhận báo cáo: Bộ Tài chính

1.3. Tần suất thực hiện báo cáo: Hằng quý; Hằng năm

1.4. Văn bản quy định chế độ báo cáo: Khoản 2 Điều 39 và Mẫu số 13 Phụ lục kèm theo Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp; Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 346/2026/NĐ-CP ngày 05/9/2026 của Chính phủ